

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
KIS VIỆT NAM**

*Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính
Tại thời điểm 31/12/2012*

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 2
2. Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính	3
3. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2012	4 - 11

C
S
TÂN
S.B.K.A
TÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được kiểm toán của Công ty tại ngày 31/12/2012.

1. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Văn Ái	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Nam	Phó Chủ tịch Thường trực
Ông Ưông Tiến Thịnh	Phó chủ tịch
Ông Lim Chun Soo	Phó chủ tịch
Ông Oh Kyung Hee	Thành viên
Ông Kim Jung Kwan	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 21/4/2012)
Ông Park Won Sang	Thành viên
Ông Lee Kang Haeng	Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 21/4/2012)

Ban kiểm soát

Bà Bùi Thị Lệ Dung	Trưởng ban
Ông Nguyễn Đức Hùng	Thành viên
Ông Hwang Jeong Yun	Thành viên
Ông Han Joon Ho	Thành viên

Tổng Giám đốc

Ông Oh Kyung Hee	Tổng Giám đốc
------------------	---------------

2. Thông tin doanh nghiệp

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty"), là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán Số 56/UBCK-GPHĐKD ngày 05/7/2007, Giấy phép điều chỉnh số 376/GPĐC-UBCK ngày 17/12/2010, Giấy phép điều chỉnh số 19/GPĐC-UBCK ngày 21/3/2011 và Giấy phép điều chỉnh số 42/GPĐC-UBCK ngày 08/07/2011 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Vốn điều lệ theo Giấy phép là 263.646.000.000 đồng.

Tên giao dịch và trụ sở

Tên giao dịch tiếng Anh của Công ty là KIS VIET NAM SECURITIES CORPORATION.

Trụ sở chính đặt tại Tầng 3, Tòa nhà Maritime Bank Tower, 180-192 Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chi nhánh của Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam đặt tại tầng 6 số 299 Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Hoạt động kinh doanh chính

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm: môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán; lưu ký chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

3. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2012.

4. Công bố trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty đối với báo cáo

Tổng Giám đốc Công ty cam đoan rằng:

- Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo và được lập theo đúng các quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính;
- Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;
- Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.



OH KYUNG HEE
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 3 năm 2013

Số: 62/DFK - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, được lập ngày 11 tháng 3 năm 2013 từ trang 04 đến trang 11 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này, căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 800 " Báo cáo kiểm toán về những công việc kiểm toán đặc biệt ". Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu.

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát báo cáo này. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, và được lập theo đúng quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chi tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chi tiêu an toàn tài chính và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.



Hồ Đắc Hiếu
Phó Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0458/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam
Tp. HCM, ngày 11 tháng 3 năm 2013



Lê Đình Huyền
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1756/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

I. VỐN KHẢ DỤNG

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		VKD	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
A	Nguồn vốn chủ sở hữu			
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	263.646.000.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần, vốn khác không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	-		
3	Cổ phiếu quỹ	-		
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (nếu có)	-		
5	Quỹ đầu tư phát triển	-		
6	Quỹ dự phòng tài chính	-		
7	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-		
8	Lợi nhuận lũy kế và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định pháp luật	(58.436.241.869)		
9	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (50%tăng thêm hoặc 100% giảm đi)	-		
10	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		
11	Lợi ích của cổ đông thiểu số	-		
12	Các khoản nợ có thể chuyển đổi	-		
13	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chi tiêu đầu tư tài chính		(5.894.068.896)	156.704.603
1A	Tổng			199.472.393.838
B	Tài sản ngắn hạn			
I	Tiền và các khoản tương đương tiền			
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			
1	Đầu tư ngắn hạn			
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 5			-
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)			

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

I. VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)

III	Các khoản phải thu ngắn hạn, kể cả phải thu từ hoạt động ủy thác		
1	Phải thu của khách hàng		
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống		
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		
2	Trả trước cho người bán		
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn		
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống		
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		
4	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống		
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		
5	Các khoản phải thu khác		
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống		
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		
IV	Hàng tồn kho		
V	Tài sản ngắn hạn khác		
1	Chi phí trả trước ngắn hạn		1.223.360.037
2	Thuế GTGT được khấu trừ		
3	Thuế và các khoản phải thu nhà nước		
4	Tài sản ngắn hạn khác		
4.1	Tạm ứng		
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống		
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày		
4.2	Tài sản ngắn hạn khác		
1B	Tổng		1.223.360.037



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

I. VỐN KHẢ DỤNG (tiếp theo)

C	Tài sản dài hạn		
I	Các khoản phải thu dài hạn		
1	Phải thu dài hạn của khách hàng		
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống		
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		-
3	Phải thu dài hạn nội bộ		
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống		
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-
4	Phải thu dài hạn khác		
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống		
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-
1,5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		
			17.011.197.529
II	Tài sản cố định		
III	Bất động sản đầu tư		
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		
1	Đầu tư vào công ty con		
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		
3	Đầu tư chứng khoán dài hạn		
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8		
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 5		-
4	Đầu tư dài hạn khác		
5	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		
V	Tài sản dài hạn khác		
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ tại báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5		4.987.083.429
IC	Tổng		
			21.998.280.958
			176.250.752.843



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

II. GIÁ TRỊ RỦI RO

A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG		Hệ số rủi ro (1)	Quy mô rủi ro (2)	Giá trị rủi ro (3) = (1)x(2)
Các hạng mục đầu tư				
I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ				
1	Tiền mặt (VND)	0%	27.278.766.865	-
2	Các khoản tương đương tiền, tiền gửi có kỳ hạn	0%	61.000.000.000	-
3	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0%	-	-
II. Trái phiếu chính phủ				
4	Trái phiếu chính phủ không trả lãi	0%	-	-
5	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định	-	-	-
	Trái phiếu Chính phủ, Trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, Trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AfDB, EIB và EBRD	3%	-	-
5.1	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm;	3%	-	-
	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 tới 5 năm;	4%	-	-
5.2	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên;	5%	-	-
III. Trái phiếu doanh nghiệp				
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%	-	-
6	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 tới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%	-	-
7	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

IV. Cổ phiếu					
8	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10%	7.404.642.700	740.464.270	
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15%	89.745.100	13.461.765	
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%	121.000	24.200	
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%	20.422.283.144	6.126.684.943	
12	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%	8.726.400.000	4.363.200.000	
V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán					
13	Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10%			
14	Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30%			
VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch					
15	Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch	40%			
16	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50%	155.600	77.800	
VII. Các tài sản khác					
17	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80%	36.176.695.340	28.941.356.272	
18	Các tài sản đầu tư khác				
VIII. Rủi ro tăng thêm (nếu có) (được xác định trên cơ sở vốn chủ sở hữu đã trích lập đầy đủ các khoản dự phòng)					
	Mã chứng khoán	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro	
1	XYZ				
2				
A. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A= I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII)				40.185.269.250	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

B. RỦI RO THANH TOÁN		Giá trị rủi ro						Tổng giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
I. Rủi ro trước thời hạn thanh toán								
	Loại hình giao dịch							
	Tiền gửi có kỳ hạn, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán	3.660.000.000					3.660.000.000	
1.	Cho vay chứng khoán/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất							
2.	Vay chứng khoán/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất							
3.	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất							
4.	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất							
5.	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất							
6.						7.970	7.970	
II. Rủi ro quá thời hạn thanh toán								
	Thời gian quá hạn			Hệ số rủi ro			Giá trị rủi ro	
1.	0-15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán			16%				
2.	16 - 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán			32%				
3.	31 - 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán			48%				
4.	Từ 60 ngày trở đi			100%	1.316.848.972		1.316.848.972	
III. Rủi ro tăng thêm (nếu có)								
1.	Chi tiết tới từng khoản vay, tới từng đối tác			Mức tăng thêm			Giá trị rủi ro	
B. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B=I+II+III)							4.976.856.942	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO (tiếp theo)

C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)		Giá trị
I.	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng	36.025.423.553
	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí	(5.796.786.219)
	1. Chi phí khấu hao	5.060.963.087
	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	(10.857.749.306)
	3. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	-
	4. Dự phòng phải thu khó đòi	-
II.		
III	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III= I - II)	41.822.209.772
IV	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV=25% III)	10.455.552.443
V	20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán	27.000.000.000
C. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max { IV,V})		27.000.000.000
D. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A+B+C)		72.162.126.192

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIS VIỆT NAM
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 31/12/2012

Đơn vị tính: VND

III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro/vốn khả dụng	Ghi chú (nếu có)
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	40.185.269.250	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	4.976.856.942	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	27.000.000.000	
4	Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)	72.162.126.192	
5	Vốn khả dụng	176.250.752.843	
6	Tỷ lệ an toàn Vốn khả dụng (6=5/4)	244%	

IV. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.

Quand

Ubmml

TRƯƠNG THỊ KIM DUNG
 Kế toán trưởng
 Ngày 11 tháng 3 năm 2013

LÊ QUANG TOÀN
 Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ

